

Name: \_\_\_\_\_ Class: \_\_\_\_\_ School: \_\_\_\_\_ Date: \_\_\_\_\_ 2020

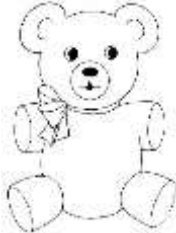
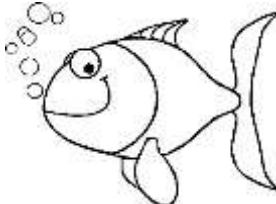




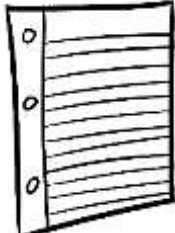


## ANSWER KEY - ENGLISH 2- GRADE 2

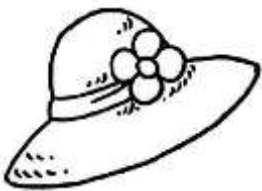







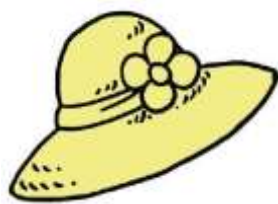
### ĐÁP ÁN TIẾNG ANH LỚP 2\_TUẦN 3 THÁNG 4 NĂM 2020



#### PART A: LISTENING

**1** Listen, circle and color the correct pictures. / Nghe, khoanh tròn và tô đúng màu vào hình đúng.

0.	a. 	b. 	c. 
1.	a. 	b. 	c. 
2.	a. 	b. 	c. 

3.	a. 	b. 	c. 
4.	a. 	b. 	c. 
5.	a. 	b. 	c. 

2 Listen and number. / Nghe và đánh số thứ tự vào các bức tranh dưới đây:



0



4



2



3



1



5

**3** Listen and circle the correct words. / Nghe và khoanh tròn vào từ đúng.

0.	socks	<u>gloves</u>	skirt
1.	<u>shoes</u>	jacket	pants
2.	shelf	hat	<u>closet</u>



### PART B: READING & WRITING

**1** Rearrange the letters to make the right words. / Sắp xếp các chữ cái tạo thành từ đúng.



odg → dog



tca → cat



sfih → fish



strehma → hamster



bbriat → rabbit



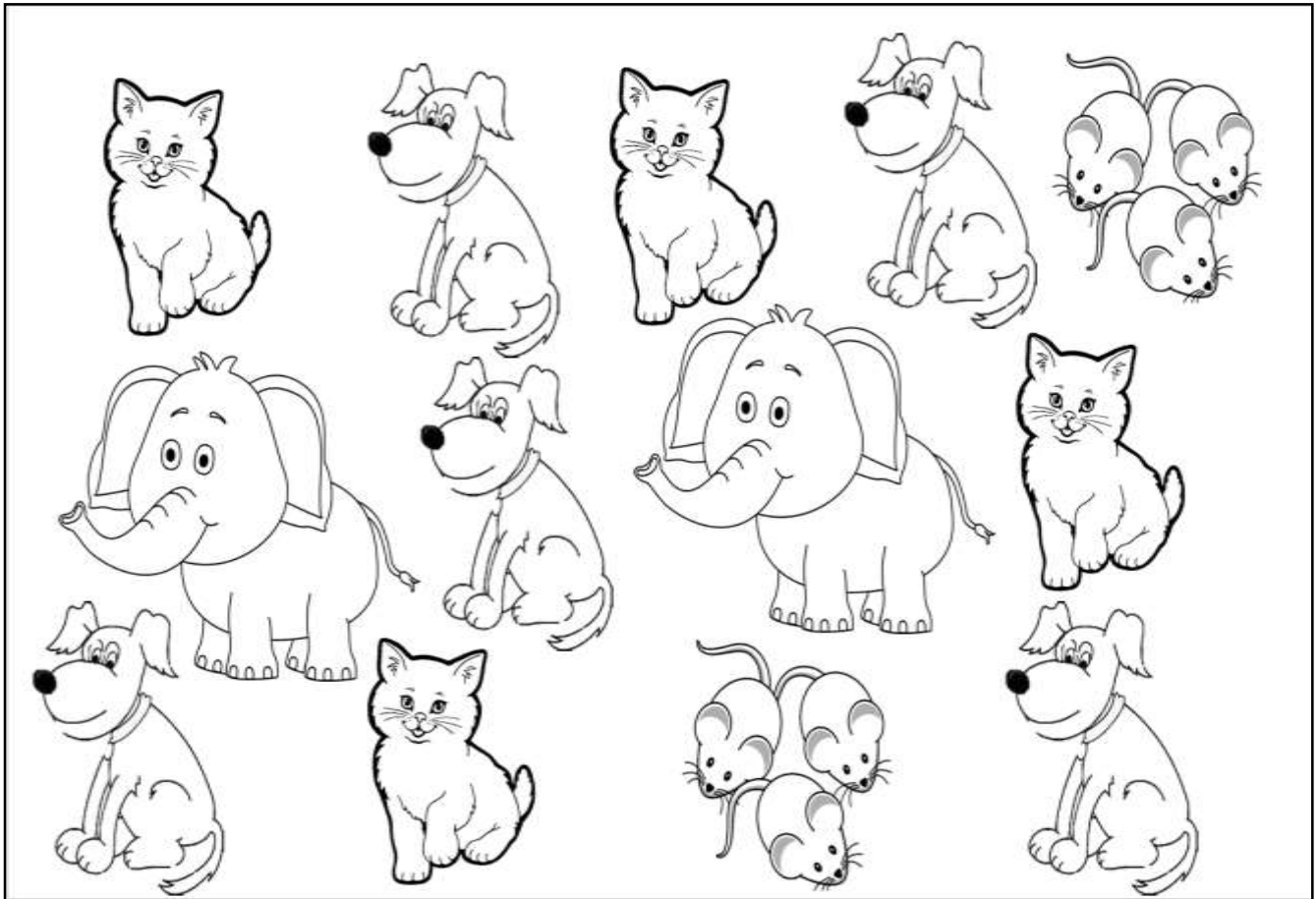
kenas → snake

**2** Choose the best answers then write. / Chọn đáp án đúng và viết.

Ex: What (am / is / are) is your name? – My name is Linda.

1. What (am / is / are) is that? – That's my orange shirt.
2. Are the (soock / sock / socks) socks purple? – No, they aren't.
3. What are those? – Those (am / is / are) are my purple shoes.
4. Is this jacket green? No, it (is / isn't / are) isn't. It's gray.
5. What's that? – That's a yellow closet ( yellow closet/ closet yellow/ a yellow closet).

③ Count, write then read and color. /Đếm, viết sau đó đọc và tô màu.



0. Two elephants green.
1. Four cats yellow.
2. Five dogs blue.
3. Six mice red.